



**TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐƯỜNG SẮT**

Số 2/167, phố Gia Quất, phường Thượng Thanh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 02438710384. E-mail: [truongduongsat@edu.vn](mailto:truongduongsat@edu.vn)

Số Fax: 02438710384.

Website: <http://www.truongduongsat.edu.vn>.

# **SỔ TAY BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

**Ban hành lần thứ: I**

**Hà Nội, tháng 3 năm 2020**

## THEO DÕI SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang/phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành/ lần sửa đổi	Ngày ban hành

### I. GIỚI THIỆU CHUNG

#### 1. Lịch sử phát triển

Trường Công chức Đường sắt (tiền thân của Trường Cao đẳng Đường sắt) được thành lập ngày 6/6/1955 theo Quyết định số 978/QĐNS ngày 6/6/1955 của Tổng cục Đường sắt. Nhiệm vụ của Trường là bồi túc nghiệp vụ cho cán bộ, công nhân viên của Tổng cục Đường sắt. Cơ sở ban đầu đặt tại xã Thượng Thanh, huyện Gia Lâm, Hà Nội (nay là phường Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội). Năm 1958 chuyển về Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội và đổi tên thành Trường Bồi túc nghiệp vụ Đường sắt.

Ngày 08/4/1965 Trường đổi tên thành “Trường Công nhân lái xe lửa” theo Quyết định số 556/TC của Tổng cục Đường sắt. Nhiệm vụ của Trường là đào tạo đội ngũ công nhân nghề lái tàu hoả cho ngành giao thông vận tải đường sắt.

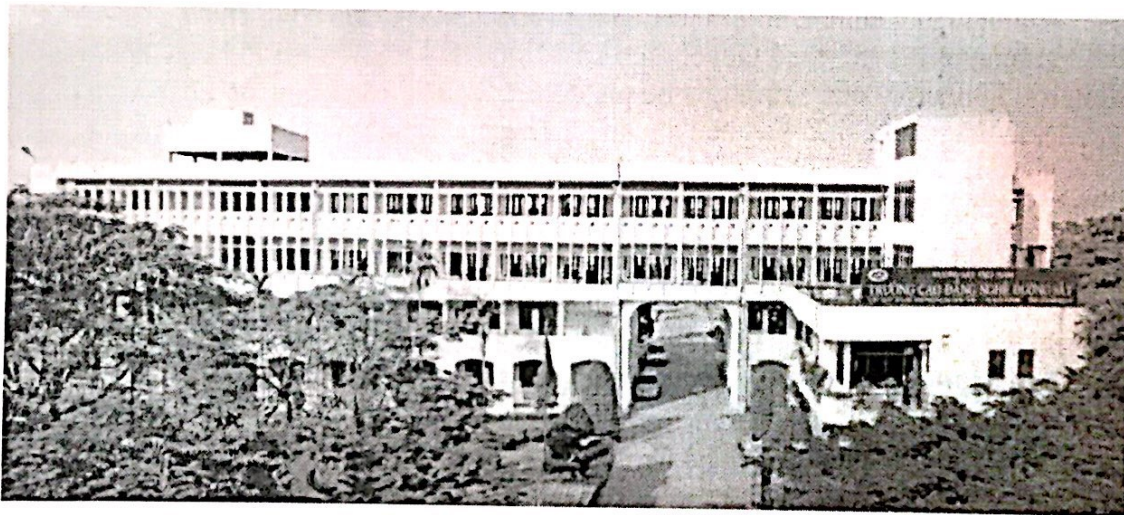
Ngày 12/3/1973, Trường đổi tên thành Trường Công nhân Kỹ thuật Vận tải Đường sắt theo Quyết định số 747/CT của Bộ giao thông vận tải. Trường có nhiệm vụ đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề làm việc tại các nhà ga, các đoàn tàu trong ngành giao thông vận tải đường sắt. Cơ sở của trường chuyển về xã Kim Hoa, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Mê Linh, Hà Nội). Cùng trong năm đó, Trường tiếp nhận nguyên trạng Trường Bồi túc Nghiệp vụ Vận tải của Cục Vận chuyển thuộc Tổng cục Đường sắt.

Ngày 11/7/1990 Trường đổi tên thành Trường Kỹ thuật và Nghiệp vụ Đường sắt I theo Quyết định số 1266/QĐ –TCCB của Bộ Giao thông vận tải. Ngày 12/8/1991, Trường tiếp nhận nguyên trạng Trường Quản lý và Nghiệp vụ Đường sắt theo quyết định số 1581/TCCB- GTBD của Bộ Giao thông vận tải; Ngày 18/9/1991, Trường tiếp nhận nguyên trạng Trường cơ khí đường sắt I theo quyết định số 1850/TCCB- GTBD của Bộ Giao thông vận tải. Nhiệm vụ của trường lúc này là đào tạo công nhân kỹ thuật các nghề làm việc trong tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh của ngành giao thông vận tải đường sắt, tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên đang làm việc trong ngành. Năm 1994 Trường chuyển trụ sở về xã Thượng Thanh, huyện Gia Lâm, Hà Nội (nay là Thượng Thanh, Long Biên, Hà Nội).

Ngày 20/3/1998, Trường được nâng cấp thành Trường Trung học Đường sắt theo Quyết định số 435/1998/QĐ-BGTVT ngày 20/3/1998 của Bộ Giao thông vận tải. Tháng 11/1998 trường tiếp nhận nguyên trạng Trung tâm Đào tạo Kỹ thuật và Nghiệp vụ Đường sắt Đà Nẵng. Trường có nhiệm vụ đào tạo kỹ thuật viên và công nhân kỹ

thuật lành nghề cho ngành đường sắt và xã hội, tổ chức đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên đang làm việc trong ngành.

Ngày 12/01/2007 Trường được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Đường sắt I theo Quyết định số 79/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Tháng 8/2007 trường tiếp nhận nguyên trạng Trường Trung học Đường sắt II theo quyết định số 926/QĐ-ĐS ngày 01/8/2007 của Tổng Công ty đường sắt Việt Nam. Ngày 12/08/2009 Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Nghề đường sắt theo Quyết định số 1029/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Ngày 7/2/2017 Trường đổi tên thành Trường Cao đẳng Đường sắt theo Quyết định số 130/QĐ-LĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Trường có nhiệm vụ đào tạo theo 3 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp và sơ cấp giáo dục nghề nghiệp; bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ và người lao động; nghiên cứu, ứng dụng kỹ thuật – công nghệ; tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo qui định của pháp luật.



## **2. Sơ đồ tổ chức (xem Phụ lục I)**

### **3. Chức năng, nhiệm vụ**

- Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nhân lực kỹ thuật ở các trình độ cao đẳng, trung cấp và sơ cấp nhằm trang bị cho người học năng lực thực hành nghề tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, tạo cho họ có kỹ năng làm việc, tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh, phát triển của ngành Đường sắt và thị trường lao động của xã hội.

- Tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng nghề, các chương trình chuyển giao công nghệ, các chương trình đào tạo nghề theo kế hoạch của Tổng công ty ĐSVN, yêu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động.

- Tổ chức thực hiện các chương trình thực nghiệm, nghiên cứu đề tài khoa học, công nghệ chuyên ngành; ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; thực hiện các dịch vụ khoa học, công nghệ, sản xuất kinh doanh phù hợp với các

ngành nghề đào tạo và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các quan hệ hợp tác, liên kết, liên thông về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực, nghiên cứu, triển khai khoa học công nghệ với các cơ quan, tổ chức, cá nhân ở trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật và của Tổng công ty.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo quy mô đào tạo và phát triển bằng nguồn thu từ Ngân sách Nhà nước cấp, Tổng công ty cấp, các nguồn vốn vay, huy động vốn và từ hoạt động kinh tế của Trường.

#### 4. Danh mục các ngành nghề đào tạo

(Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 14/2020/GCNĐKHĐ-TCGDNN ngày 31/01/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo
1	Bảo dưỡng, sửa chữa công trình giao thông đường sắt đô thị	Trung cấp (HN)
2	Bảo dưỡng sửa chữa tàu điện	Sơ cấp (HN)
3	Bảo dưỡng, sửa chữa đường sắt đô thị	Sơ cấp (HN)
4	Cắt gọt kim loại	Sơ cấp (HN,BD)
5	Công nghệ chế tạo, bảo dưỡng đầu máy	Cao đẳng (BD)
		Trung cấp (HN, ĐN)
6	Công nghệ chế tạo và bảo dưỡng toa xe	Trung cấp (HN, BD)
7	Điện dân dụng	Trung cấp (HN)
8	Điện công nghiệp	Cao đẳng (BD)
9	Điều hành chạy tàu hoả	Cao đẳng (HN, ĐN)
		Trung cấp (HN,BD,ĐN)
10	Điều hành đường sắt đô thị	Trung cấp (HN)
		Sơ cấp (HN)
11	Gác ghi, ghép nối đầu máy toa xe	Sơ cấp (HN)
12	Gác đường ngang, gác cầu chung, gác hầm đường sắt	Sơ cấp (HN,BD,ĐN)
13	Hàn	Sơ cấp (HN,BD)
14	Kế toán doanh nghiệp	Cao đẳng (HN, BD)
15	Khách hóa vận đường sắt	Sơ cấp (HN)
16	Khám chữa toa xe	Sơ cấp (HN,BD,ĐN)
17	Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí	Trung cấp (BD)
18	Lái tàu Đường sắt	Cao đẳng (HN)

TT	Tên nghề đào tạo	Trình độ đào tạo
		Trung cấp (HN,BD,ĐN)
19	Lái tàu điện	Trung cấp (HN; BD)
20	Lái và vận hành phương tiện chuyên dùng đường sắt	Sơ cấp (HN,BD,ĐN)
21	Lái xe cơ giới đường bộ	Sơ cấp (BD)
22	Lái xe nâng hàng	Sơ cấp (HN; BD)
23	Lắp đặt, sửa chữa thiết bị lạnh	Sơ cấp (HN,BD)
24	Nhân viên phục vụ trên tàu, dưới ga	Sơ cấp (HN,ĐN)
25	Quản trị kinh doanh vận tải ĐS	Cao đẳng (HN, ĐN)
26	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng (BD)
27	Thi công đặt ray đường sắt đô thị	Sơ cấp (HN)
28	Thông tin tín hiệu Đường sắt	Cao đẳng (HN, ĐN)
		Trung cấp (HN, ĐN)
		Sơ cấp (HN, BD)
29	Thông tin tín hiệu đường sắt đô thị	Sơ cấp (HN)
30	Sửa chữa đầu máy	Sơ cấp (HN)
31	Sửa chữa hệ thống điện đường sắt đô thị	Sơ cấp (HN)
32	Sửa chữa thiết bị điện công nghiệp	Sơ cấp (BD)
33	Vận hành cần trục	Sơ cấp (HN,BD)
34	Vận hành máy xúc	Sơ cấp (HN)
35	Vận hành, sửa chữa thiết bị lạnh	Trung cấp (HN)
36	Vận hành, sửa chữa máy thi công đường sắt	Trung cấp (BD)
37	Vận tải hành khách đường sắt đô thị	Sơ cấp (HN)
38	Xây dựng và bảo dưỡng công trình giao thông đường sắt	Cao đẳng (HN,)
		Trung cấp (HN, ĐN)
39	Xây dựng đường sắt	Sơ cấp (HN,BD,ĐN)

### 5. Các thành tích đạt được

Với những đóng góp cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Trường Cao đẳng Đường sắt đã vinh dự được tặng thưởng 02 Huân chương Lao động hạng ba (năm 1983 và 1996), 01 Huân chương Lao động hạng nhất (năm 2000), 01 Huân chương Độc lập hạng ba (năm 2005), 01 Huân chương Độc lập hạng nhì (năm 2014) và nhiều bằng khen của Chính phủ, các bộ và của Ngành.

Số lượng HSSV đào tạo hàng năm thể hiện ở bảng sau:

Năm học	Cao đẳng	Trung cấp	Sơ cấp	Liên kết ĐT	BDNV	Khác
2013-2014	354	344	1519	974	2451	4476
2014-2015	241	531	833	219	1531	-
2015-2016	102	262	761	1106	1745	7016
2016-2017	220	526	684	311	9517	-
2017-2018	85	199	2397	746	675	12629
2018-2019	32	170	1817	2262	1572	10000

Nghiên cứu khoa học

Năm học	Đề tài sáng kiến	Xây dựng, chỉnh lý CTĐT	Biên soạn, chỉnh lý giáo trình	Bài báo khoa học
2013-2014	12	08 (Chỉnh lý CĐ: 04; TC: 03; SC: 01)	-	04
2014-2015	06	10 (SC:06; BDNV: 04)	11	03
2015-2016	10	20 (Biên soạn: TC, SC: 11; Chỉnh lý: SC: 04; BDNV: 05)	-	-
2016-2017	06	35 (Chỉnh lý CĐ: 14; TC: 21)	-	-
2017-2018	08	27 (Chỉnh lý CĐ: 08; TC: 15; SC: 04)	-	02
2018-2019	08	25 (Chỉnh lý CĐ: 02; TC: 05; SC: 09; BDNV:09)	14	0

## II. PHẠM VI ÁP DỤNG

### 1. Quy mô áp dụng

Phạm vi áp dụng của hệ thống ĐBCL cho tất cả các đơn vị trong Trường, tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học đang tham gia công tác, học tập trong Trường.

### 2. Lĩnh vực áp dụng

Phát triển, cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo; Biên soạn, cải tiến giáo trình, học liệu; Tuyển sinh; Xây dựng kế hoạch, thời khóa biểu; Cấp phát văn bằng, chứng chỉ; Thăm dò khách hàng; Thi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập; Đánh giá kết

**IV. DANH MỤC HỆ THỐNG TÀI LIỆU**

Stt	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU	ĐƠN VỊ ÁP DỤNG													
			P. DT	P. TCHC	P. TCKT	P. CT HSSV	P. QLTB & XD CB	P. KB CLBĐT	K. CB	K. CT-CK	K. ĐM -TX	K. TTT H-Điện	K. VT. KT			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)			
1	Số tay chất lượng	STCL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
2	Chính sách chất lượng và Mục tiêu chất lượng trường	C_SCL-MTCL	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x			
3	Quy trình, công cụ Tổ chức kiểm tra, thi kết thúc môn học, mô-đun	QT.01-TCKT/TKTM HMB/P.KĐC LĐT	x	x	x			x	x	x	x	x	x			
4	Quy trình, công cụ Tổ chức thi, xét, công nhận tốt nghiệp	QT.02-TCTX/CONTN/P.KĐCL	x	x	x			x	x	x	x	x	x			
5	Quy trình, công cụ Phúc khảo bài thi, kiểm tra	QT.03-PKBTKT/P.KĐCL	x					x	x	x	x	x	x			
6	Quy trình, công cụ Bài trí, bảo dưỡng tài sản	QT.01-BTBD/P.QL TB					x	x	x	x	x	x	x			
7	Quy trình, công cụ Mua sắm tài sản	QT.02-MSTS/P.QLT B		x	x		x									
8	Quy trình, công cụ Quản lý tài sản	QT.03-QLTS/P.QLT B					x									
10	Quy trình, công cụ Kiểm	QT.01-			x		x									

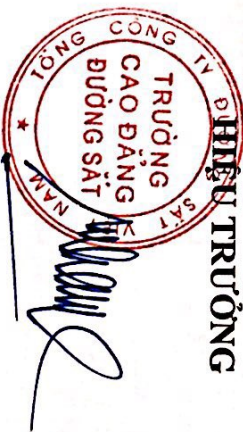
	kê tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	KKTS/P.TC KT																		
11	Quy trình, công cụ Thanh lý tài sản, công cụ, dụng cụ	QT.02- TLTSCB/CC DC/P.TCKT				X				X										
12	Quy trình, công cụ Thu-chi tiền mặt	QT.03- TCTM/P.TC KT				X														
13	Quy trình, công cụ Đánh giá kết quả rèn luyện	QT.01- DGKQRL/P. CTHSSV		X					X				X	X	X	X	X			
14	Quy trình, công cụ Quản lý học sinh, sinh viên nội trú	QT.02- QLNT/P.CT HSSV							X											
15	Quy trình, công cụ Khảo sát học sinh, sinh viên sau khi TN	QT.03- KSHSSV/P.C THSSV							X											
16	Quy trình, công cụ Kỳ luật học sinh, sinh viên	QT.04- KLHSSV/P.C THSSV							X				X	X	X	X	X			X
17	Quy trình, công cụ Quy hoạch cán bộ	QT.01- QHCB/P.TC HC				X														
18	Quy trình, công cụ Điều chỉnh quy hoạch cán bộ	QT.02- ĐCQH/P.TC HC				X														
19	Quy trình, công cụ Bộ nhiệm cán bộ đối với các chức danh Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Kế toán	QT.03- BNCBLD/P. TCHC							X											



	trường																		
20	Quy trình, công cụ Đánh giá lao động quản lý, viên chức, người lao động	QT.04-ĐG LBQL, VC& NLB/P.TCH C		x															
21	Quy trình, công cụ Kỹ luật lao động quản lý, viên chức và người lao động	QT.05-KL LBQL, VC& NLB/P.TCH C		x															
22	Quy trình, công cụ Tuyển dụng lao động	QT.06- TDLP/P.TC HC		x															

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2020

**PHẠM VĂN CHÁNH**  
TRƯỞNG



Phạm Văn Chánh

PHỤ LỤC SỐ 1

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CHUYÊN MÔN NHÀ TRƯỜNG (năm 2020)

